

XU HƯỚNG NGƯỜI HỌC VÀ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN PHÂN HOÁ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN SAU NĂM 2015

• TS. NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Xu hướng phát triển giáo dục của nhiều quốc gia trên thế giới là thực hiện phân hóa trong giáo dục phổ thông. Song ở mỗi nước, căn cứ vào lịch sử giáo dục và những yếu tố chủ yếu tác động đến việc đổi mới giáo dục để lựa chọn thời điểm tiến hành, chuẩn bị các điều kiện đảm bảo và phương thức thực hiện phân hoá giáo dục có phần khác nhau. Trong tầm dự báo khả năng thực hiện phân hóa giáo dục phổ thông Việt Nam giai đoạn sau năm 2015, bài viết này sẽ xem xét hai vấn đề có liên quan, đó là: Nhu cầu của người học Việt Nam sau năm 2015; Khả năng thực hiện phân hoá giáo dục phổ thông Việt Nam sau năm 2015.

1. Xu hướng phân hoá học sinh (HS) phổ thông Việt Nam sau năm 2015

Thực tế cho thấy, với giả định là trong điều kiện thực hiện giáo dục tương đương, thì không phải tất cả HS đều có thể học tập với mức độ nỗ lực và đạt được kết quả như nhau. Để giải quyết vấn đề này, ở một vài nước chẳng hạn như Mĩ, “nhóm” HS vào những nhóm khác nhau ngay từ khi các em nhập trường. Ở những nước khác như Nhật Bản và Cộng hoà liên bang Đức, không phân tách HS theo nhóm năng lực từ những năm đầu tiểu học. Ở Đức, việc này chỉ được diễn ra từ lớp 5 và ở Nhật Bản, chỉ đến khi các em vào học trung học.

Trong khuôn khổ đề tài cấp Bộ “Về phân hoá trong giáo dục phổ thông Việt Nam giai đoạn sau năm 2015”, mã số B2007-CTGD-02, chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu sự khác biệt về nhịp độ nhận thức, khả năng trí tuệ và khuynh hướng lĩnh vực hoạt động của 1890 HS lớp 9, lớp 10 ở các tỉnh: Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Thanh Hóa, Quảng Nam, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí

Minh, Tiền Giang, Tây Ninh vào cuối năm 2008 và đầu năm 2009. Hai bộ công cụ được sử dụng là trắc nghiệm Cognitive Abilities Test (CAT) về năng lực nhận thức ở các lĩnh vực trí tuệ khác nhau và trắc nghiệm Golomstoc về hứng thú, khuynh hướng ở các lĩnh vực hoạt động khác nhau. Thông tin thu thập được phân tích theo ba khía cạnh như sau: nhịp độ và khả năng nhận thức; khuynh hướng hoạt động; sự tương thích giữa khả năng nhận thức và khuynh hướng hoạt động của HS.

- Nhịp độ nhận thức của đa số HS ở mức trung bình và phân hoá rất đa dạng. Trong đó, hai lĩnh vực hiểu ngôn ngữ và tư duy trực quan cao hơn ở bốn lĩnh vực còn lại (tư duy ngôn ngữ, tư duy số học, năng lực tính toán và tư duy cấu trúc). Hơn nửa số HS tham gia khảo sát đạt mức phát triển trí tuệ khá (lớp 9: 59.97%, lớp 10: 55.08%); khoảng 1/4 HS lớp 9 (24.12%) và 1/3 HS lớp 10 (32.46%) đạt mức phát triển trí tuệ trung bình. Nếu quy về theo thang IQ mức chuẩn, đa số HS đạt mức phát triển trí tuệ ở mức khá. Một bộ phận HS có mức trí tuệ thiếu năng và chậm phát triển ranh giới (lớp 9: 15.92%; lớp 10: 12.3%). Nguyên nhân cơ bản đối với bộ phận HS này là sự thiếu hụt ở ba lĩnh vực: tư duy số học, tư duy cấu trúc, năng lực tính toán. Riêng lớp 9, một số em còn bộc lộ yếu, kém ở cả hai lĩnh vực hiểu ngôn ngữ và tư duy ngôn ngữ.

- Số HS có khuynh hướng với các ngành học, môn học liên quan đến khoa học tự nhiên (lớp 9: 60.7%; lớp 10: 68.5%) nhiều hơn so với số HS có khuynh hướng khoa học xã hội và nhân văn (lớp 9: 41.4%; lớp 10: 40.3%). Một bộ phận HS thể hiện “đa khuynh hướng”, thể hiện ở mức độ cao về hứng thú và khả năng sẵn sàng

hoạt động trong nhiều lĩnh vực. Còn bộ phận HS khác lại chưa thể hiện rõ ràng một khuynh hướng nghề nghiệp nào, ngay cả khi các em đã chọn ban học và môn học tự chọn ở lớp 10, thể hiện ở mức độ hời hợt về sự hứng thú đối với các lĩnh vực.

- Đại đa số HS (lớp 9: 84%; lớp 10: 87%) đã lựa chọn khuynh hướng, lĩnh vực hoạt động phù hợp với khả năng nhận thức của bản thân. Còn một bộ phận HS chưa "hiểu" đúng khả năng của mình khi lựa chọn nghề nghiệp tương lai. Chẳng hạn, một HS lớp 9 ở mức thiếu năng trí tuệ, nhưng khi thực hiện bài tập về khuynh hướng với môn Vật lí, tự đánh giá mình "đã có" kĩ xảo, thói quen về thực hành vật lí và cho rằng có thể dự thi được Olympic Vật lí. Tuy nhiên, tất cả HS thuộc nhóm phát triển trí tuệ thiếu năng hoặc chậm phát triển ranh giới đều thể hiện khuynh hướng ở một lĩnh vực hoạt động cụ thể từ mức trung bình trở lên. Như vậy, xét về bản chất thì không có HS nào bị thiếu năng cả. Vấn đề là, các em cần "hiểu" năng lực của mình để lựa chọn khuynh hướng nghề nghiệp cho phù hợp. Ví dụ, một HS đã bị thiếu hụt về tư duy số học và tư duy cấu trúc mà lựa chọn hoạt động ở các ngành khoa học tự nhiên sẽ ít có cơ hội rèn luyện để chuyển tri thức môn học thành kĩ năng nghề nghiệp. Nhưng nếu em đó định hướng đến một số ngành dịch vụ hoặc khoa học xã hội, chắc chắn sẽ thuận lợi hơn bởi kĩ năng nghề nghiệp ở những ngành này không phụ thuộc nhiều vào tư duy số học và tư duy cấu trúc. Từ kết quả nghiên cứu trên, có thể khẳng định:

- HS Việt Nam hiện tại và HS Việt Nam ở giai đoạn sau năm 2015 có sự khác biệt về nhịp độ nhận thức, qua đó, có sự khác biệt về khả năng nhận thức. Do vậy, thực hiện phân hoá người học trong quá trình giáo dục là một định hướng đúng đắn và hết sức cần thiết.

- Nhà trường cần phải tư vấn một cách khoa học (dựa vào các bộ trắc nghiệm tiêu chuẩn quốc tế) và chuyên nghiệp (cán bộ tư vấn phải được tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức và kĩ

năng tư vấn) để giúp HS định hướng lựa chọn nghề nghiệp sao cho vừa phù hợp với nhịp độ nhận thức, hứng thú, khuynh hướng bản thân và vừa đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

- Việc nhận biết khả năng nhận thức bản thân, định hướng lựa chọn đúng nghề nghiệp của HS sau giáo dục THCS (giáo dục bắt buộc) sẽ giúp cho việc tổ chức dạy học phân hoá trong giáo dục THPT (không bắt buộc) mang tính khả thi hơn.

2. Khả năng thực hiện phân hoá giáo dục phổ thông Việt Nam sau năm 2015

Cũng trong khuôn khổ đề tài B2007-CTGD-02, hơn 40 chuyên gia giáo dục, kinh tế, xã hội, văn hoá,... đã tập trung nghiên cứu 4 nhóm yếu tố có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện phân hoá giáo dục phổ thông sau năm 2015, đó là: về người học; về nhà trường; về chương trình giáo dục và về điều kiện kinh tế - xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 14 yếu tố tác động đến phân hoá giáo dục theo các mức khác nhau: 1/ Mức rất cao gồm 3 yếu tố: năng lực và sở trường của người học; khả năng giảng dạy của giáo viên; và nhu cầu, nguyện vọng của người học; 2/ Mức tương đối cao gồm 5 yếu tố: khả năng thiết kế chương trình giáo dục; khả năng tổ chức phân hoá giáo dục của nhà trường; khả năng cơ sở vật chất của trường; khả năng quản lí của cán bộ quản lí; mong muốn của cha mẹ HS; 3/ Mức trung bình gồm 6 yếu tố: nhu cầu lao động được đào tạo; tăng trưởng kinh tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; vốn đầu tư vào các ngành kinh tế; sự phát triển của nền kinh tế; hội nhập giáo dục quốc tế. Ngoài ra, một số yếu tố tác động khác cũng cần được xem xét như: chất lượng tư vấn trong nhà trường; cách thức tuyển sinh đại học và cao đẳng; cơ cấu của hệ thống giáo dục; trình độ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương; tuyên truyền và truyền thông; tâm lí xã hội; đặc điểm văn hóa truyền thống;...

Dựa vào kết quả trên, khả năng thực hiện phân hoá giáo dục phổ thông sau năm 2015 ở nước ta sẽ được phân tích thông qua sự "đáp



ứng” của giáo dục tương lai đối với: Khả năng nhận thức của HS và khả năng giảng dạy của giáo viên; Khả năng xây dựng chương trình giáo dục; Khả năng tổ chức, quản lí phân hoá giáo dục phổ thông; Yêu cầu của xã hội đối với chất lượng nguồn nhân lực.

a) Theo kết quả dự báo, HS sau năm 2015 sẽ có nhịp độ học tập và khả năng nhận thức ở nhiều mức độ khác nhau và phân đồng ở mức trung bình và khá (theo chỉ số IQ mức chuẩn). Do đó, mỗi người học sẽ thực hiện một quá trình học tập không hoàn toàn như nhau về tốc độ học tập, khả năng lĩnh hội tri thức, mức độ tiếp nhận các loại vấn đề học tập,... Đây là cơ sở khách quan để thực hiện dạy học dựa vào sự khác biệt của cá nhân hay nhóm người học nhằm làm cho nội dung bài học và quá trình dạy học đạt hiệu quả cao hơn. Bên cạnh đó, HS tương lai sẽ có nhiều khuynh hướng hoạt động khác nhau, trong đó các ngành liên quan đến khoa học tự nhiên sẽ được “sẵn sàng” nhiều nhất. Tiếp theo là hoạt động xã hội, nông – lâm - ngư nghiệp, khoa học xã hội và nhân văn, kĩ thuật, nghệ thuật,... Và một bộ phận không nhỏ HS có biểu hiện đa khuynh hướng. Do đó, giáo dục cần phải tạo nhiều cơ hội và số lần lựa chọn lĩnh vực học tập khác nhau theo quy mô: có nhiều hướng đào tạo; trong mỗi hướng đào tạo có nhiều cách lựa chọn lĩnh vực học tập; trong mỗi lĩnh vực học tập có nhiều chương trình đa dạng phù hợp với các mức độ phát triển trí tuệ khác nhau.

Một trong các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến một bộ phận HS hiện nay bị thiếu hụt tư duy số học, tư duy cấu trúc và năng lực tính toán là khả năng giảng dạy còn hạn chế của giáo viên: Giáo viên thường thiết kế bài dạy theo một tiến trình hoạt động duy nhất với hệ thống nhiệm vụ chung cho mọi HS trong lớp; Chưa thực sự quan tâm gợi ý hoạt động hay quy trình làm việc thích hợp với từng HS, chế độ đánh giá theo đặc điểm cá nhân (Ví dụ, với một số HS thì giáo viên phải kiểm tra thường xuyên, với một số HS khác để các em tự kiểm tra, với một số nữa thì kiểm tra

lẫn nhau); Đã quan tâm đến việc giao nhiệm vụ học tập riêng cho từng nhóm hay cá nhân, tuy nhiên còn hình thức nên hiệu quả chưa cao;... Như vậy, có thể nói, khả năng giảng dạy của giáo viên, thái độ sẵn sàng tiếp nhận và chuyển biến theo những yêu cầu của dạy học phân hoá sẽ là một trong các thách thức lớn đối với việc thực hiện phân hoá trong giáo dục tương lai.

b) Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành gồm 5 thành tố (mục tiêu giáo dục; phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục; chuẩn kiến thức và kĩ năng; phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; cách thức đánh giá kết quả) mang tính chất “động”, vừa đảm bảo thống nhất toàn quốc (về mục tiêu giáo dục, chuẩn kiến thức và kĩ năng, kế hoạch dạy học tối thiểu), vừa đảm bảo linh hoạt theo đối tượng, vùng miền (lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học từng bài, lựa chọn phân phối thời lượng từng bài, lựa chọn nội dung tự chọn theo hai hình thức tự chọn tùy ý và tự chọn bắt buộc,...). Như vậy, chương trình đã: tạo cơ hội, điều kiện học tập để phát triển năng lực từng nhóm HS, góp phần phát hiện, bồi dưỡng HS có năng lực đặc biệt; tạo sự linh hoạt trong thực hiện chương trình theo đặc điểm nhà trường, địa phương, vùng miền thông qua việc lựa chọn nội dung, mức độ, và hình thức tổ chức dạy học phân hoá.

Tuy nhiên, theo quan điểm của nhiều nước trên thế giới, chương trình giáo dục phải có các chức năng: 1/ Quản lí, tổ chức quá trình giáo dục, tức là văn bản chương trình phải thể hiện các hoạt động cần thiết của người dạy và người học để người học lĩnh hội được nội dung học vấn đã quy định; 2/ Quản lí chất lượng, tức là có tính năng kĩ thuật của chuẩn nội dung, chuẩn thực hiện, chuẩn nội dung SGK và các học liệu khác, chuẩn đo lường, kiểm định và đánh giá kết quả giảng dạy và học tập; 3/ Quản lí và điều hành sự nghiệp giáo dục thông qua việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; kiểm tra, thi và đánh giá giáo dục; xác định học chế;... Do đó, đội ngũ chuyên gia giáo dục cần được khẩn trương đào tạo và

bồi dưỡng các kỹ năng cần thiết thì mới đảm bảo khả năng xây dựng được chương trình giáo dục tương lai một cách toàn diện hơn.

Công tác tổ chức và quản lý nhà trường hiện nay bao gồm một số hoạt động chủ yếu như: tổ chức phân ban (đối với trường THPT) và dạy học tự chọn; thực hiện chương trình, SGK một cách linh hoạt, phù hợp với thực tiễn; bồi dưỡng giáo viên; chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học; chỉ đạo, quản lý kiểm tra, đánh giá;... Với kinh nghiệm quản lý, tổ chức thực hiện phân hoá giáo dục hiện hành, nếu được tập huấn, bổ sung nâng cao năng lực quản lý nhà trường và đặc biệt được sự hỗ trợ của chính chương trình giáo dục, các hiệu trưởng của nhà trường phổ thông có thể quản lý và tổ chức thực hiện phân hoá trong giáo dục.

c) Nền kinh tế thế giới đang có biến đổi lớn, từ nền kinh tế công nghiệp chuyển sang nền kinh tế tri thức, với các ngành nghề mới như chế tạo công nghệ cao, dịch vụ tài chính, bảo hiểm, công nghệ thông tin và truyền thông,... Ở Việt Nam, với mục tiêu trở thành nước công nghiệp vào năm 2020, chúng ta phải chuyển đổi cơ cấu kinh tế và trình độ lao động từ tăng trưởng theo chiều rộng (tăng vốn đầu tư và tăng số lao động) sang tăng trưởng theo chiều sâu (nâng cao hàm lượng công nghệ, sáng tạo; tăng thêm độ sâu về chế tác). Chia khoá mấu chốt của quá trình chuyển đổi này là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Chất lượng nguồn nhân lực sẽ khả thi hơn nếu thực hiện phân hoá giáo dục phổ thông bởi vì: Chương trình giáo dục với học vấn nền tảng, phổ thông, với nội dung tự chọn đa dạng, phong phú sẽ chuẩn bị đội ngũ lao động năng động, linh hoạt, có khả năng sáng tạo hơn và do đó sẽ đáp ứng yêu cầu mới của nền kinh tế công nghiệp và với một phần của nền kinh tế tri thức. Cần tiến hành tốt hơn công tác hướng nghiệp, phân luồng sau THCS, sau THPT để có tỉ lệ hợp lý giữa lao động trình độ cao đẳng, đại học so với lao động trình độ trung cấp và công nhân kỹ thuật đáp ứng nhu cầu hiện đại hoá, công nghiệp hoá.

Tóm lại, HS Việt Nam sau năm 2015 có sự khác biệt về nhịp độ học tập, khả năng nhận thức, khuynh hướng nghề nghiệp và mức độ phát triển trí tuệ. Do đó, nhu cầu phân hoá người học tương lai là yêu cầu khách quan đối với giáo dục. Thực hiện phân hoá giáo dục phổ thông sau năm 2015 sẽ trở nên khả thi nếu chú trọng nâng cao năng lực cho đội ngũ chuyên gia xây dựng chương trình, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Đồng thời việc chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế, yêu cầu chuyển từ tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu và những yêu cầu về chất lượng của nguồn nhân lực trong tương lai cũng là điều kiện thuận lợi và cũng là đòi hỏi khách quan đối với sự nghiệp giáo dục phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông*, NXB Giáo dục, 2006.
2. Nguyễn Hữu Châu, *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*, NXB Giáo dục, 2005.
3. Võ Thị Minh Chí, *Nghiên cứu nhịp độ học tập và khuynh hoạt động của HS, sự tương thích giữa chúng*, Báo cáo chuyên đề cho đề tài B2007-CTGD-02 "Về phân hoá trong giáo dục phổ thông Việt Nam giai đoạn sau năm 2015", Hà Nội, 2009.
4. Đặng Thành Hưng, *Quan niệm và phương án phân hoá giáo dục trung học phổ thông ở Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục, 2006.
5. Phạm Quang Sáng, *Ứng dụng phương pháp chuyên gia trong dự báo xu hướng phân hoá trong giáo dục phổ thông*, Báo cáo chuyên đề cho đề tài B2007-CTGD-02 "Về phân hoá trong giáo dục phổ thông Việt Nam giai đoạn sau năm 2015", Hà Nội, 2009.
6. C.A. Tomlinson, *The differentiated classroom: Responding to the needs of all learners*. Alexandria, VA: ASCD, 1999.
7. Geoffrey Petty, *Teaching today*, Stanley Thornes, 2003.

SUMMARY

The trend in education by many countries is differentiation in school education. However, in each country, based on the history of education and factors affecting education innovation the time point for realization of differentiation of education varies. In the view of prognosis this article presents 2 issues in Vietnam: 1/ Trend for differentiation in Vietnam after 2015; 2/ Reality of differentiation of school education in Vietnam after 2015.